

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 06/2023/DS-ST

Ngày: 13/01/2023

“V/v: *Tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Hòa**.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Hoàng Xuân Ty**;

2. Ông **Tống Văn Long**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Đình Duy Toàn** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Bà **Trần Thị Chung** – Kiểm sát viên

Hôm nay, ngày 13 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 127/2022/TLST-DS ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2022/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Đỗ Thị H**, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn 1, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

2. *Bị đơn:* Bà **Hoàng Thị P**, sinh năm 1967

Địa chỉ: Số 45/51 đường 1/5, phường B, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của bà P: Ông Lê Văn K, sinh năm 1956

Địa chỉ: Số 233/65 đường B, phường 1, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

(Văn bản ủy quyền ngày 31/5/2022)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông **Trương Công T**, sinh năm 1960

Địa chỉ: Số 45/51 đường 1/5, phường B, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T: Ông Lê Văn K, sinh năm 1956

Địa chỉ: Số 233/65 đường B, phường 1, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

(Văn bản ủy quyền ngày 31/5/2022)

Anh **Trương Công Đ**, sinh năm 1994

Địa chỉ: Số 45/51 đường 1/5, phường B, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa, anh Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23/8/2021, đơn khởi kiện bổ sung, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Đỗ Thị H trình bày và yêu cầu như sau:

Vào ngày 25/04/2020 bà H có mở một dây huê (thường gọi là huê, hụi), loại huê 3.000.000 đồng, hình thức chơi huê là áp thảo và bà P có tham gia chơi 01 chân huê, dây huê gồm 23 chân (tương đương với 23 người chơi), đến tháng 05/2020 bà P hốt được số tiền 53.996.000 đồng, bà P đã nhận đủ số tiền trên, sau đó bà P đóng tiền huê chết cho bà đến hết tháng 05/2021, còn từ tháng 06/2021 thì bà P không đóng tiền huê chết cho bà nữa, số tiền huê chết mà bà P chưa đóng tương đương 10 chân huê chết, thành tiền là 30.000.000 đồng.

Đến ngày 10/12/2020 bà H tiếp tục mở dây huê 3.000.000 đồng, huê gồm 20 người chơi, hình thức chơi huê là áp thảo, dây huê này bà P chơi 03 chân (trong đó bà P chơi 02 chân và bà P nói chơi cho con trai bà P là Đ 01 chân) nhưng trên thực tế cả 03 chân huê đều do bà P chơi và đóng huê cho bà H. Đến ngày 10/01/2021 bà P hốt 01 chân huê được số tiền là 42.440.000 đồng, bà H đã giao đủ tiền cho bà P nhận. Đến ngày 10/02/2021 bà P tiếp tục hốt 01 chân huê nữa, sau khi bà H và bà P thống nhất trừ số tiền bà P còn phải đóng huê thì bà P được nhận số tiền là 41.930.000 đồng, bà P đã nhận đủ số tiền trên. Sau khi hốt huê bà P có đóng huê được hết tháng 05/2021, tháng 06/2021 Đ có đưa cho bà H số tiền 2.600.000 đồng để đóng 01 chân huê sống còn lại nhưng 03 chân huê chết của bà P thì không đóng tiền nên bà H có gọi điện hỏi tiền bà P thì bà P khất bằng miệng. Đến tháng 08/2021 bà P nói với bà H không chơi chân huê của Đ nữa mà lấy số tiền trước đó đã đóng chân huê của Đ để đóng sang 03 chân huê chết của bà P. Số tiền 03 chân huê chết mà bà P chưa đóng cho bà H là 120.000.000 đồng, số tiền chân huê sống của Đ trước đó đã đóng là 21.000.000 đồng, sau khi trừ số tiền phải đóng sang số tiền đã đóng thì bà P còn nợ bà H 99.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà H đồng ý chốt nợ cho bà P số tiền còn nợ bà H là 96.000.000 đồng.

Bà H cũng thừa nhận việc thỏa thuận chơi huê và đóng tiền huê là do bà P và bà thực hiện chứ giữa bà và Đ chưa bao giờ có thỏa thuận chơi huê với nhau, việc Đ đóng tiền huê cho bà vào tháng 06/2021 cũng là do bà P nói Đ đưa cho bà chứ không phải tiền của Đ.

Bà H đã nhiều lần đòi tiền nhưng bà P không trả. Đến ngày 01/9/2021 bà P đồng ý chuyển tiền nợ huê thành tiền nợ vay.

Do việc nợ tiền khi bà P và ông T đang là vợ chồng và vẫn còn chung sống với nhau nên nay bà H yêu cầu cả bà P và ông T cùng có trách nhiệm liên đới trả cho bà tổng số tiền nợ là 96.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Ngoài số tiền nợ nêu trên thì bà P, ông T không còn nợ bà H khoản tiền nào khác, bà H cũng không có yêu cầu gì khác.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Hoàng Thị P và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, ông Lê Văn K trình bày:

Bà P thừa nhận có chơi 04 chân huê do bà H làm chủ (trong đó 03 chân huê của bà còn 01 chân huê là bà nói chơi cho Đ con trai bà), nhưng thực chất toàn bộ quá trình thỏa thuận chơi huê, đóng tiền huê thì bà P là người thỏa thuận và đóng huê cho bà H chứ Đ không biết và cũng không tham gia chơi huê do bà H làm chủ, việc bà chơi huê bà cũng không nói với Đ.

Trong 04 chân huê thì tháng 05/2020 bà P hót 01 chân huê, tháng 01/2021 bà P tiếp tục hót chân huê tiếp theo, tháng 02/2021 bà P hót chân huê thứ 03, số tiền hót huê bà H đã giao đủ cho bà P nhận. Sau khi hót huê bà P có đóng tiền huê chết cho bà H đến hết tháng 05/2021, còn tháng 06/2021 bà P có nhờ con trai là Trương Công Đ đến đóng 01 chân huê sống còn lại cho bà H, còn 03 chân huê chết thì bà P không đóng tiền cho bà H nữa. Bà H có gọi điện cho bà P nhiều lần nhắc nhở đóng tiền nên bà P nói không tiếp tục chơi chân huê sống của Đ nữa và chuyển số tiền đóng huê chân huê của Đ sang số tiền huê chết bà P phải đóng cho bà H. Sau khi hai bên cân trừ tiền thì bà P còn nợ bà H số tiền 99.000.000 đồng nhưng bà H thống nhất chót nợ cho bà P số tiền còn nợ là 96.000.000 đồng. Đến ngày 01/9/2021 bà P thống nhất chuyển toàn bộ số tiền nợ huê trên thành tiền nợ vay.

Nay bà P cũng đồng ý có trách nhiệm trả cho bà H số tiền nợ vay là 96.000.000 đồng, không trả lãi.

Toàn bộ số tiền nợ này bà P dùng để trả nợ cho người khác chứ không chi tiêu cho gia đình hay kinh doanh nhà máy chè, cũng không có liên quan đến ông T và Đ nên bà P đồng ý một mình có trách nhiệm trả tiền cho bà H.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Công T và người đại diện theo ủy quyền của ông T là ông Lê Văn K trình bày:

Ông Trương Công T thừa nhận trước đây ông và bà P là vợ chồng nhưng từ khoảng năm 2012- 2013 đến nay thì ông và bà P không còn chung sống với nhau nữa, ông sống ở Bảo Lộc, còn bà P sống ở Lộc Bảo, về cuộc sống và làm ăn kinh tế giữa ông và bà P cũng riêng biệt nhau, ông không biết việc bà P nợ tiền và chơi huê của bà H, số tiền nợ bà P sử dụng vào việc gì ông không biết, bà H và bà P cũng không thông báo gì với ông. Do vợ chồng đã không sống với nhau từ lâu nên đến ngày 06/12/2021 ông và bà P đã giải quyết không công nhận là vợ chồng, quá trình giải quyết không công nhận là vợ chồng ông cũng không thấy bà P nhắc gì đến các khoản nợ này, việc chơi huê và nợ tiền là do bà P tự thực hiện nên nay ông không đồng ý có trách nhiệm cùng bà P trả nợ cho bà H.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trương Công Đ trình bày:

Anh là con trai bà Hoàng Thị P và ông Trương Công T. Về việc mẹ anh là bà P có chơi họ (huê, hụi) của bà Đỗ Thị H mở vào tháng 12/2020 và đóng tiền như thế nào thì anh không tham gia chơi huê nên không biết nội dung như thế nào, tiền đóng huê anh cũng không phải là người đóng. Đối với việc bà H khởi kiện mẹ anh thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giữ nguyên ý kiến không có thay đổi gì khác.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án như sau: thực hiện đúng trình tự thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự qui định.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463, 466 Bộ luật dân sự chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị H. Buộc bà Hoàng Thị P có trách nhiệm phải trả cho bà H số tiền nợ 96.000.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H về việc: Buộc ông Trương Công T có nghĩa vụ liên đới cùng bà Hoàng Thị P trả cho các bà H số tiền nợ 96.000.000 đồng.

Về án phí: Bà Hoàng Thị P phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bà Đỗ Thị H khởi kiện đòi số tiền cho vay đối với bà Hoàng Thị P và ông Trương Công T. Do vậy, xác định đây là tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

Bị đơn cư trú tại số 45/51, đường 1/5, phường B, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trương Công Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn:

Bà Đỗ Thị H yêu cầu bà Hoàng Thị P, ông Trương Công T trả số tiền nợ vay là 96.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị đơn thừa nhận có nợ nguyên đơn số tiền 96.000.000 đồng. Nguồn gốc số tiền này do bà P chưa đóng tiền huê chết cho bà H, sau đó bà P và bà H đã thống nhất chuyển toàn bộ số nợ trên thành nợ vay. Nay bà P đồng ý có nghĩa vụ trả tiền cho bà H theo yêu cầu khởi kiện của bà H. Như vậy giữa nguyên đơn và bị đơn đã thống nhất được số tiền nợ và bị đơn bà Hoàng Thị P cũng đồng ý trả tiền nợ cho nguyên đơn. LỜI TRÌNH BÀY CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ LÀ PHÙ HỢP VỚI CÁC TÀI LIỆU, CHỨNG CỨ CÓ TRONG HỒ SƠ VỤ ÁN. Do đó, căn cứ vào Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận những tình tiết các đương sự trình bày nêu trên là sự thật.

Xét yêu cầu của bà H về việc buộc ông Trương Công T có nghĩa vụ liên đới cùng bà Hoàng Thị P trả số tiền nợ nêu trên cho bà H thì thấy rằng ông T

không đồng ý liên đới cùng bà P có nghĩa vụ trả tiền theo yêu cầu của bà H. Vì ông cho rằng, việc giao dịch chơi hụi và nợ tiền giữa bà P và bà H, ông hoàn toàn không biết do bà P và bà H không nói cho ông biết. Mục đích bà P nợ tiền hụi của bà H để làm gì thì ông cũng không biết. Quá trình giải quyết vụ án bà H cũng trình bày khoảng 02-3 năm gần đây thì ông T đã không cùng làm nhà máy chè với bà P mà ông về Bảo Lộc sinh sống, thỉnh thoảng có vào Lộc Bảo phụ bà P một, hai bữa rồi lại về nhưng đó chỉ là lời trình bày của bà H không được bà P và ông T thừa nhận, nguyên đơn cũng không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh về việc ông T có liên quan đến số nợ trên. Còn ông T, bà P do người đại diện theo ủy quyền trình bày ông T và bà P thực chất đã không còn chung sống với nhau từ khoảng năm 2012-2013 cho đến nay, mỗi người sống một nơi.

Mục đích vay tiền theo bà H trình bày là bà P vay tiền để kinh doanh nhà máy chè, trả tiền công cho công nhân trong nhà máy nhưng bị đơn bà P không thừa nhận, nguyên đơn cũng không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh việc bị đơn sử dụng tiền nợ nêu trên để chi tiêu cho nhu cầu thiết yếu của gia đình.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30 ... của Luật này.”*. Tại khoản 1 Điều 30 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Vợ, chồng có quyền, nghĩa vụ thực hiện giao dịch nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình.”*. Và tại khoản 20 Điều 3 Luật Hôn nhân và gia đình đã quy định: *“Nhu cầu thiết yếu là nhu cầu sinh hoạt thông thường về ăn, mặc, ở, học tập, khám bệnh, chữa bệnh và nhu cầu sinh hoạt thông thường khác không thể thiếu cho cuộc sống của mỗi người, mỗi gia đình”*.

Từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy giao dịch do bà P thực hiện không nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Nên số tiền mà bà H khởi kiện không phải là nợ chung của vợ chồng bà P, ông T mà là nợ riêng của bà P. Do đó, lời trình bày của ông T là có cơ sở, nên có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà H; không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà H về việc yêu cầu ông T có nghĩa vụ liên đới cùng bà P trả tiền cho bà H.

Đối với việc bà H trình bày anh Đ có chơi huê do bà mở vào tháng 12/2020 nhưng anh Đ không thừa nhận, bản thân bà H cũng trình bày từ khi chơi huê, đóng tiền đều do bà P thực hiện và bà P chỉ đóng tiền được mấy tháng sau đó ngưng không chơi chân huê đó nữa. Còn vào tháng 06/2021 Đ có đóng tiền huê cho bà H 01 tháng nhưng thực chất số tiền đó là của bà P nhờ Đ đưa cho bà H chứ Đ hoàn toàn không biết việc bà P và bà H chơi huê với nhau, bà H cũng thừa nhận chưa bao giờ thỏa thuận chơi huê với Đ. Số tiền bà P đóng huê cho bà H đã được hai bên thống nhất chốt nợ xong, bà H cũng không yêu cầu xem xét trách nhiệm của anh Đ nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.2]. Về lãi suất: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[4] *Về án phí*: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định án phí và lệ phí của Tòa án. Bị đơn phải chịu án phí

dân sự sơ thẩm trong trường hợp yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp. Các nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 3, khoản 1 Điều 27, khoản 1 Điều 30 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị H.

Buộc bà Hoàng Thị P có trách nhiệm trả cho bà Đỗ Thị H số tiền 96.000.000đ (Chín mươi sáu triệu đồng), không tính lãi.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị H về việc: Buộc ông Trương Công T có nghĩa vụ liên đới cùng bà Hoàng Thị P trả cho bà Đỗ Thị H số tiền 96.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

Bà Hoàng Thị P phải chịu 4.800.000đ (Bốn triệu tám trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Đỗ Thị H không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.400.000 đồng theo biên lai thu số 0005081 ngày 27/8/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- + Các đương sự;
- + VKSND TP. B;
- + THADS TP. B;
- + THADS huyện B;
- + TAND tỉnh Lâm Đồng;
- + Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Lê Thị Hòa